

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Bà Trịnh Thúy Cơ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa:** Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát Viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1967; địa chỉ cư trú: Nhà số 13, tổ 20, ấp N, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Anh Phan Hoàng L, sinh năm: 1968; địa chỉ cư trú: Nhà số 13, tổ 20 ấp N, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-9-2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Phan Hoàng L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã về tiền bạc. Anh L thường xuyên uống rượu say về nhà đập phá đồ đạc, đánh chị nhưng không gây thương tích. Chị có trình báo công an xã C nhiều lần nhưng anh L vẫn không sửa chữa.

Vợ chồng không ly thân vẫn sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy làm.

Về hôn nhân: Chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Bị đơn anh Phan Hoàng L trình bày: Thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đúng. Vợ chồng sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu

thuần là do anh bị bệnh, không làm ra tiền, vợ chồng cãi vã. Ngoài ra, sống chung anh có uống rượu say, không kiềm chế bản thân nên có đánh chị N, dẫn đến chị N yêu cầu ly hôn với anh.

Về hôn nhân: **Chị N** yêu cầu ly hôn **anh** không đồng ý, vì anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh yêu cầu đoàn tụ để xây dựng gia đình.

Do chị N và anh L chung sống với nhau từ năm 1991 không đăng ký kết hôn đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân cho anh chị theo đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Có một con chung tên Phan Hoàng V, sinh năm 1993 hiện con chung đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Phan Hoàng L.

Về con chung: Có một người con đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Phan Hoàng L theo đúng quy định pháp luật nhưng anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị N anh L, xác định chị N và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định: “ ... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Khoản này thì không có giá trị pháp lý” và tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định “.....Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như

vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Đối chiếu theo quy định của pháp luật chị N và anh L chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có một người con đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Phan Hoàng L.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0011000 ngày 11-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị N có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Dương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Đào Thị Hiền

